

LÀM TRONG CẤU TRÚC GÂY KHIẾN, KẾT QUẢ

NGUYỄN VĂN PHỔ¹

Abstract: In Vietnamese, the word *làm*, which is originally an action predicate without expressing the mode of action, is grammaticalized to become a predicate specializing in marking the result in the resultative or causative construction. This article examines the manifestations of the resultative marker *làm* in terms of syntax and semantics. Briefly, *làm* expresses the relationship between an entity or an event and an event that is caused by it without necessarily having direct or intentional impact or not. Essentially, *làm* expresses causal processes rather than transitivity.

Key words: *causative, resultative, relational construction, intention, directness, transitivity, causal.*

1. Dẫn nhập

Cấu trúc gây khiến (causative construction) là một vấn đề được giới nghiên cứu ngôn ngữ học chú ý và bàn luận rất chi tiết trong vài mươi năm nay, từ nhiều góc nhìn khác nhau; có thể kể: Shibatani [10], [11], Comrie [6], Talmy [12], Dixon [8], Kulikov [9],... Sở dĩ như vậy là vì nó liên quan đến tính chuyển tác và cách thức mã hóa mối quan hệ nhân quả, theo đặc trưng của mỗi ngôn ngữ.

Theo Shibatani [10], định nghĩa cấu trúc gây khiến là điều rất khó, khi chưa làm rõ những đặc trưng ngữ pháp của nó. Vì vậy, thay vào đó, ông miêu tả “tình huống gây khiến”. Theo ông, trong tình huống gây khiến có hai sự tình mà người nói tin rằng có quan hệ với nhau: (a) sự tình 2 (sự tình kết quả - caused event) xảy ra sau sự tình 1 (sự tình tác động - causing event) và (b) sự xuất hiện sự tình 2 hoàn toàn phụ thuộc vào sự xuất hiện của sự tình 1 và sẽ không xảy ra nếu sự tình 1 không xảy ra.

Cách trình bày của Shibatani về hai sự tình của “tình huống gây khiến” có vẻ bao trùm cả các cấu trúc nhân quả, nói chung.

Quả thật, quan hệ nhân - quả là một quan hệ cơ bản của thế giới khách quan; con người nhận thức và tư duy về thế giới khách quan trên cơ sở mối quan hệ ấy. Nếu có hai sự kiện xảy ra trước sau trên trục thời gian, đồng thời (nhưng không nhất thiết) chia sẻ thêm những yếu tố như địa điểm và/hoặc các thực thể tham gia sự kiện, thì người ta có thể nhìn nhận hai sự kiện ấy có quan hệ nhân quả và thể hiện bằng nhiều kiểu phát ngôn khác nhau. Trong tiếng Việt, trật tự tuyến tính của hai phát ngôn (hoặc hai mệnh đề) cũng đã biểu hiện mối quan hệ ấy²:

(1) *Nam không tặng quà sinh nhật cho Lan, Lan giận Nam.*

(2) *Lan giận Nam, Nam không tặng quà sinh nhật cho Lan.*

Trong nhiều ngôn ngữ, để hiển ngôn quan hệ nhân quả, người ta có thể dùng các yếu tố liên kết, chẳng hạn: *because, thank to, so that* (tiếng Anh), *vì, bởi, bởi vì, tại, nhờ, do, nên, cho nên* (tiếng Việt).

Thuật ngữ “cấu trúc gây khiến” không đồng nhất với thuật ngữ “cấu trúc/câu nguyên nhân”. Nó được dùng để chỉ những cấu trúc chỉ diễn đạt một sự tình phức đơn nhất (single complex macro-

¹ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

² Thậm chí, giả sử rằng trong đầu người nói không cho rằng có quan hệ gì giữa hai sự kiện thì điều đó cũng không ngăn người nghe / người đọc nhận thức nó như là quan hệ nhân quả.

situation) bao gồm hai “vi sự tình” (micro-situations [7]) được biểu hiện bằng một hoặc hai vị từ với những hình thức đặc trưng của nó, trong đó hàm chứa ý nghĩa tác động lẫn kết quả, bị thể của hành động tác động cũng đồng thời là chủ thể mang trạng thái kết quả. Thuật ngữ “cấu trúc gây khiến” cũng không đồng nhất với thuật ngữ “cấu trúc kết quả” (resultative construction), vì cấu trúc kết quả được hiểu rộng hơn, bao gồm tất cả những cấu trúc biểu hiện một sự tình duy nhất có chứa biểu thức kết quả; trong đó gây khiến chỉ là một dạng đặc trưng.

Các ngôn ngữ đều có nhiều cách để mã hóa ý nghĩa gây khiến.

Về mặt loại hình, ý nghĩa gây khiến thường được thể hiện dưới ba dạng: gây khiến hình thái học (ý nghĩa gây khiến được thể hiện bằng phương tiện hình thái, như trong tiếng Hàn, tiếng Thổ Nhĩ Kỳ), gây khiến từ vựng (ý nghĩa tác động và ý nghĩa kết quả đồng thời được mã hóa trong một động từ, chẳng hạn *kill*, *break*, *boil*, *open* của tiếng Anh) và gây khiến cú pháp (hoặc gây khiến phân tích - analytic). Ở dạng thứ ba, ý nghĩa gây khiến, nhìn chung, được thể hiện dưới hình thức một cấu trúc gồm hai vị từ và hai danh ngữ $[NP_1 - V_1 - NP_2 - V_2]$ hoặc $[NP_1 - V_1 - V_2 - NP_2]$. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng tiếng Việt là một ngôn ngữ phân tích tính cao, ý nghĩa gây khiến chủ yếu được thể hiện bằng dạng thức cú pháp.

Trong tiếng Việt, có một số nhà nghiên cứu đã bàn đến cấu trúc gây khiến nói chung và từ *làm* nói riêng. Chẳng hạn, Nguyễn Kim Thân [5] cho từ *làm* là một trong những động từ gây khiến chân chính, nhưng (như nhiều tác giả đã chỉ ra) ông không phân biệt ý nghĩa gây khiến và ý nghĩa cầu khiến - trong tiếng Việt, hai loại này phân biệt nhau khá rõ ràng về cả ngữ nghĩa lẫn ngữ pháp³. Về chi tiết, ông xem tổ hợp $[làm + V]$ là một “động từ chấp” nên *làm nhục chúng ta* có cấu tạo “động từ + bổ ngữ”, còn *làm tôi nhục* mới là cấu trúc gây khiến gồm “động từ + bổ ngữ 1 + bổ ngữ 2” [5, tr.57].

Diệp Quang Ban không nói đến “cấu trúc gây khiến” mà chỉ nói đến “câu chứa chủ ngữ nguyên nhân đánh dấu” với sự có mặt của từ *làm*, vì ông đặt nó trong quan hệ rộng hơn là quan hệ nhân quả (nhưng ông cũng không dùng thuật ngữ “cấu trúc kết quả”). Ông xem *làm* là động từ chuyển tác, “làm vị tố gây ra hệ quả cho thực thể mà động từ này tác động đến”, nhưng “không phải là ‘trực tiếp tạo ra một cái gì’”. Ông chủ trương là hai bổ ngữ sau *làm* phải hoán vị được cho nhau, “bổ ngữ nào đứng trước là bổ ngữ₁, bổ ngữ nào đứng sau là bổ ngữ₂, bổ ngữ₂ là ‘bổ ngữ của bổ ngữ₁’”. Tuy nhiên, theo ông, có “ngoại lệ duy nhất” khi hai bổ ngữ không hoán vị cho nhau được, tức là trật tự cố định kiểu $NP_2 - V_2$, “nhưng vẫn coi đó là hai bổ ngữ” [1, tr.135 - 143].

Cao Xuân Hạo [2] thì phân biệt ba kiểu cấu trúc: gây khiến, kết quả và quan hệ, lần lượt:

- (3) *Nam học giỏi làm cho bố mẹ vui lòng.*
- (4) *Nam đập vỡ chiếc cốc.*
- (5) *Nam học rất giỏi, làm cho bố mẹ vui lòng.*

Theo đó, cấu trúc kết quả trình bày quan hệ chuỗi giữa hành động tác động - trạng thái kết quả thể hiện bằng hai vị từ đi liền nhau; cấu trúc quan hệ trình bày mối quan hệ giữa một thực thể và một sự tình; cấu trúc gây khiến trình bày quan hệ giữa hai sự tình, “hành động chuyển tác gây nên một quá trình nào đó mà chủ thể chính là bị thể của hành động chuyển tác ấy”.

Nguyễn Hoàng Trung [4] thì cho rằng cấu trúc gây khiến, trong đó vị từ kết quả đi liền *làm* (tức là $[làm + V_2]$), tạo ra một sự tình duy nhất, gọi là gây khiến trực tiếp, gồm “các sự tình bộ phận nối tiếp nhau, không có khoảng dừng”; còn khi sau *làm* là một bổ ngữ vừa biểu thị đối tượng tác động

³ Thực ra, nhiều tác giả nước ngoài cũng xem cầu khiến là một biểu hiện của gây khiến.

của *làm* vừa làm chủ ngữ của vị từ kết quả (tức là [*làm* + NP₂ + V₂]) thì sẽ tạo thành kết cấu gây khiến gián tiếp, vì nó miêu tả “hai sự tình riêng biệt, không trùng lắp về thời gian - không gian”. Theo tác giả, hai kiểu gây khiến trực tiếp và gián tiếp khác nhau ở cách thức nhận thức/miêu tả sự tình.

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ phân tích những biểu hiện ngữ nghĩa và ngữ pháp của *làm* dựa trên những đặc trưng phân biệt “cấu trúc quan hệ”, “cấu trúc gây khiến” và “cấu trúc kết quả”.

2. Làm trong cấu trúc gây khiến

2.1. Làm trong cấu trúc gây khiến - quan hệ

Trong tiếng Việt, với một tình huống cụ thể (như một người đàn ông mặt đầy sẹo, tay chân đầy hình xăm, bước vào quán ăn, và thực khách bỏ đi) chúng ta có thể diễn đạt bằng ba câu:

- (6) *Anh ta làm (cho) mọi người bỏ đi.*
- (7) *Bề ngoài của anh ta làm (cho) mọi người bỏ đi.*
- (8) *Anh ta bước vào quán làm (cho) mọi người bỏ đi.*

Về ngữ nghĩa, ba câu trên chỉ khác nhau ở thông tin được mã hóa ở Đề: lần lượt là *anh ta*, *bề ngoài của anh ta* và (sự kiện) *anh ta bước vào quán*. Ở cả ba câu, chủ thể *anh ta* không hề thực hiện một hành động nào liên quan đến *mọi người* (bất kể có chủ định hoặc có mục đích hay không), trừ cái việc là *bước vào quán* - một hành động không thể nói là tác động đến cái *mọi người* kia; nghĩa là ở cả ba câu đều không có sự tình chuyển tác. (Dĩ nhiên, trên thực tế, có thể *anh ta* cố tình dùng bề ngoài của mình để dọa khách, nhưng điều này không được thể hiện trong phát ngôn).

Từ *làm* trong các câu (6) - (8) không biểu thị hành động (bất kể chuyển tác hay vô tác) nên không thể hỏi chỉ bằng biểu thức *làm vậy* (ở đây từ *làm* được dùng như một “đại vị từ” - proform⁴); và vì vậy không thể được nối tiếp bằng phát ngôn sau:

- (9) **Tôi không hiểu tại sao anh ta làm vậy. (*rất ngạc nhiên khi anh ta làm vậy.)*

Hoặc giả, nếu người nghe không nghe rõ, hỏi lại: *Anh ta làm gì?* hay *Anh ta làm gì với đám người kia?* thì câu trả lời chắc chắn phải là *Anh ta chẳng làm gì cả* hoặc *Anh ta chỉ vào quán uống rượu thôi chứ chẳng làm gì cả*, *làm* không hành chức với tư cách vị từ hành động thì dĩ nhiên *anh ta* không phải là tác thể (agent), *mọi người* không phải là bị thể (patient).

Về phía *mọi người*, hành động *bỏ đi* có vẻ như là hành động tự chủ (autonomy) hoặc có ý chí (volition) của chủ thể *mọi người*; bởi vì hoàn toàn tự nhiên khi nói:

- (10) *Anh ta làm cho mọi người quyết định bỏ đi.*

Thực chất, từ góc nhìn của người nói, sự tình *mọi người bỏ đi* vẫn là hệ quả theo sau, nếu *anh ta* không có mặt, hoặc không có bề ngoài “răn rì”, hoặc không “bước vào” thì sẽ không xảy ra. Thậm chí, khi người nói tỏ ra ngạc nhiên trước hiện tượng vừa chứng kiến: (11) *Anh ta chẳng làm gì cả mà mọi người bỏ đi* thì vẫn tồn tại mối quan hệ mà ngôn ngữ học gọi là quan hệ gây khiến giữa sự xuất hiện của “*anh ta*” và chuyện “*bỏ đi*” của “*mọi người*” (từ *làm* ở (11) là vị từ hành động).

Từ *làm* biểu thị mối quan hệ ở các phát ngôn (6) - (8) hành chức như một vị từ quan hệ chứ không phải vị từ hành động. Có thể chứng minh thêm:

⁴ Trong biểu thức *làm vậy* (tương tự *do so* tiếng Anh) từ *làm* hành chức như một vị từ “thượng danh” (hypernym), thay thế cho một vị từ hành động đi trước. Chẳng hạn, trong phát ngôn *Nam đánh Lan*, có thể hỏi chỉ hành động *đánh Lan* bằng biểu thức *làm vậy*: *Anh ta làm vậy à?*

- Trong tình huống thông thường, không thể thiết lập phát ngôn mệnh lệnh với vị từ quan hệ *làm*: những phát ngôn mệnh lệnh với *làm* thì bao giờ cũng là *làm* hành động. Chẳng hạn:

(12) *Anh đừng làm mọi người ra về!*

(13) *Anh làm cô ấy chịu đi chơi với tôi đi! Tôi sẽ trả ơn anh.*

(14) *Anh làm vậy nhé!*

Các câu trên chỉ khả chấp khi yêu cầu người nghe thực hiện những hành động có chủ định: *làm* gì đó để đạt mục đích.

- Chính vì *làm* là vị từ quan hệ, khi có mặt tác tử phủ định⁵ trước *làm* thì không *làm* thay đổi thực cách của sự tình theo sau. Nói cách khác, yếu tố phủ định đứng trước *làm* chỉ có vai trò phủ định quan hệ chứ không phủ định nội dung sau *làm*. Chẳng hạn, với tình huống như ở (6) hoàn toàn có thể nhận định:

(15) *Anh ta không làm mọi người bỏ đi.*

(16) *Anh ta bước vào quán không làm mọi người bỏ đi⁶.*

Nếu căn cứ vào thực tế là thực thể/sự tình thứ nhất gây ra hoặc khiến cho sự tình thứ hai xảy ra (dù không tự nhiên, không tất yếu), thì có thể xem những biểu thức có *làm* trên đây biểu hiện quan hệ gây khiến. Tuy nhiên, do *làm* không phải là hành động chuyển tác, nên sự tình gây khiến mà nó thiết lập nên là một kiểu gây khiến gián tiếp, hay chính xác hơn là gây khiến - quan hệ (relational-causative).

Về ngữ pháp, ở những sự tình gây khiến - quan hệ, *làm* là vị từ chính, trước nó là đề (do một danh ngữ biểu hiện thực thể người hay vật, hoặc một tiểu cú biểu hiện sự tình), sau nó là một tiểu cú *làm* bổ ngữ (O) kết quả.

Cấu trúc ngữ pháp: [(đề) + (*làm* (cho) + O (NP₂ - V₂)).

Cấu trúc ngữ nghĩa: [nguyên nhân + *làm* (cho) + kết quả].

Yếu tố đứng *làm* đề của câu là một thực thể hoặc một sự tình bất kì (vốn không liên quan gì đến sự tình theo sau), có thể gọi là nguyên nhân (cause), chứ không phải là kẻ gây khiến (causer) hay tác thể (agent). Yếu tố đứng *làm* đề cho sự tình kết quả không phải là bị thể của *làm* mà thực chất chỉ là chủ thể của trạng thái, quá trình hoặc hành động gây ra bởi nguyên nhân đã nói trước đó; nói cụ thể hơn, về ngữ nghĩa, nó là chủ thể của quá trình thay đổi trạng thái. Xét thêm một vài ví dụ:

(17) (Chồng bà ấy mất vì tai nạn xe hơi.) *Tai nạn đó làm bà phát điên.*

(18) *Xe cộ chạy ầm ầm làm bà ấy phát điên.*

(19) *Cơn bão ập đến làm hàng trăm gia đình phải sơ tán.*

(20) *Cơn bão làm hàng chục ngôi nhà bị sập.*

(21) *Vụ tấn công 11/9 ở Mỹ làm cả thế giới rung động.*

Ở (17) - (19), *bà, hàng trăm gia đình* khó có thể xem là bị thể vì *tai nạn đó, xe cộ chạy ầm ầm, cơn bão ập đến* là những sự việc xảy ra “tự nó”, vốn không có liên quan đến *bà* và *hàng trăm gia đình*, dù rằng các đối tượng này có sự thay đổi trạng thái (như những bị thể thực thụ). Ở (20) cũng

⁵ Tác tử phủ định là *không, chẳng*, chứ không phải *chưa*, vì trong tình huống thông thường *chưa* không phủ định quan hệ chính danh. Ví dụ: với biểu thức quan hệ như *Nam là con trai của bà Hai* thì không thể phủ định: **Nam chưa (phải) là con trai bà Hai*.

⁶ *Làm* ở hai phát ngôn như *Anh ta làm mọi người không bỏ đi* hay *Anh ta bước vào quán làm mọi người không bỏ đi* thì cũng hoàn toàn giống như *làm* ở (6) và (8).

tương tự, hàng chục ngôi nhà không phải là bị thể của *con bão*, rất khác với *Con bão quật cây me đổ rồi*, trong đó có thể xem là có sự tình tác động trực tiếp (*con bão quật cây me*) và sự tình kết quả (*cây me đổ*). Ở (21) vụ 11/9 ở Mỹ và cả thế giới rung động không chia sẻ khung không gian - thời gian, càng không thể nói đến tác thể và bị thể.

Có nhiều bằng chứng cho thấy giữa NP₂ (*mọi người*) và V₂ (*bỏ đi*) có mối quan hệ đề - thuyết (chủ - vị) thực sự (dĩ nhiên mối quan hệ này đã bị hạ cấp) chứ không phải là hai bổ ngữ riêng rẽ; cũng không phải là kiểu cấu trúc gây khiến mà một số nhà nghiên cứu chủ trương: ở thành phần kết quả, NP₂ vừa là bị thể của V₁ (= *làm*), vừa là chủ thể của V₂, tức không phải là {[*làm* mọi người] + [*mọi người bỏ đi*]} mà là [*làm* (*mọi người bỏ đi*)].

Bằng chứng thứ nhất: Không có mối quan hệ nào giữa thực thể/sự tình đứng trước (*anh ta, anh ta bước vào*, ở ví dụ (6) và (8)) với thực thể (*mọi người*) đứng sau *làm* mà chỉ có mối quan hệ với sự tình (*mọi người bỏ đi*).

Bằng chứng thứ hai: Các câu (6) - (8) có thể hỏi chỉ sự tình quả bằng đại từ *vậy/thế* hoặc biểu thức *làm vậy/thế*, còn sự tình nhân thì không thể (so sánh với ví dụ 9):

(22) (- Anh ta bước vào quán làm mọi người bỏ đi.) - Sao mọi người **làm vậy**?

(23) Anh ta bước vào quán làm mọi người bỏ đi, tôi cũng **vậy**.

Bằng chứng thứ ba: Sự tình kết quả có thể được định khung thời gian riêng biệt với sự tình nguyên nhân:

(24) **Tối hôm đó** hấn vào quán quậy phá làm **cả tuần nay** quán không có khách.

(25) Vụ tai nạn **hôm đó** ở Ngã Sáu làm **mấy hôm sau** bà ấy qua đời.

Bằng chứng thứ tư: Bổ ngữ kết quả được đóng khung bằng hai tác từ phủ định “không/có (làm)... đâu” dùng để phản bác:

(26) Anh ta bước vào quán **không** làm mọi người phải bỏ đi (đâu) **đâu!**

(27) Chiếc xe tải đó chạy qua **có** làm cửa kính vỡ **đâu!**

Ở (26) và (27), sau *làm* không phải là hai bổ ngữ nên không thể nói *không làm mọi người đâu, không làm bỏ đi đâu, có làm cửa kính đâu*. Điều này càng rõ hơn với sự có mặt của từ *đâu* phẩm chỉ trong ngoặc.

Bằng chứng thứ năm: Vị ngữ diễn đạt sự tình kết quả có thể tình thái hóa - điều không thể có được nếu nó không có tư cách Thuyết:

(28) Anh ta làm mọi người **phải/định/suýt/không thể/quyết định** bỏ đi.

(29) Sự có mặt của anh ta làm mọi người **đang** vui **bỗng hóa** buồn.

Theo Cao Xuân Hạo, cấu trúc quan hệ diễn đạt mối quan hệ giữa một thực thể và một sự tình, trong đó một thực thể, “bằng tính cách của mình hoặc bằng một hành động không liên quan đến sự việc kia, mà gây ra nó” [2, tr. 447].

Từ những phân tích trên đây có thể đi đến nhận định rằng giữa sự tình và sự tình cũng có thể có mối quan hệ thể hiện bằng *làm*, đó là quan hệ gây khiến gián tiếp: một sự tình vốn không có liên quan đến một sự tình khác nhưng gây ra nó.

2.2. Làm trong cấu trúc gây khiến - tác động

2.2.1. Xét các câu sau đây:

(30) Nam đốt quyển sách cháy tiêu.

(31) Sóng đập con thuyền vỡ nát.

Ở (30), danh ngữ NP₁ (*Nam*) biểu hiện tác thể của câu, là một thực thể người, bằng hành động của mình (biểu thị bằng vị từ chuyển tác V₁ *đốt*) tác động trực tiếp vào thực thể (được diễn đạt bằng NP₂ *quyển sách*) và gây ra một kết quả nào đó ở thực thể này, tức là có sự thay đổi trạng thái (biểu thị bằng vị từ V₂ *cháy tiêu*). Câu (31) cũng tương tự, chỉ khác ở chỗ NP₁ không phải là tác thể mà là lực, V₁ không biểu thị hành động chuyển tác mà biểu thị quá trình chuyển tác.

Ở hai câu trên, ta có kiểu cấu trúc [NP₁ + V₁ + NP₂ + V₂] được nhiều tác giả công nhận là cấu trúc gây khiến ([3], [4], [5]). Khi miêu tả cấu trúc này, nhiều tác giả cho rằng NP₂ vừa là bị thể của vị từ hành động/quá trình chuyển tác V₁, vừa là chủ thể của V₂. Cách hiểu này có cơ sở từ giả định về một quá trình “cô đúc” ngữ pháp từ hai sự tình, trong đó một NP₂ bị tính lược trên cấu trúc mặt: [(NP₁ - V₁ - NP₂) + (NP₂ - V₂)] → [NP₁ - V₁ - NP₂ - V₂], và cấu trúc ngữ nghĩa sẽ là: [Tác thể/Lực - Hành động/Quá trình - Bị thể - Trạng thái mới]. Nhìn chung, cách hiểu này được chấp nhận rộng rãi. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là quan hệ ngữ pháp giữa NP₂ và V₂ sẽ được diễn giải thế nào: liệu giữa NP₂ và V₂ có quan hệ đề - thuyết không khi mà về ngữ nghĩa NP₂ được xem là chủ thể của V₂?

Có nhiều lí do để xác nhận V₂ là bổ ngữ kết quả của V₁ chứ không phải là thuyết/vị ngữ của NP₂:

Thứ nhất: Cấu trúc gây khiến dựa trên tính tác động của tác thể/lực lên bị thể; về ngữ pháp, vị từ chuyển tác V₁ là vị từ chính, sau nó phải là đối tượng chịu tác động chứ không thể là một sự tình. Như vậy, [*Nó lau (cái bàn) (rất sạch)*] chứ không thể là [*Nó lau (cái bàn rất sạch)*]; với [*Nó tỉa rau củ rất đẹp*] thì người nghe hiểu *nó tỉa rất đẹp* chứ không hiểu *rau củ rất đẹp* - mặc dù người nghe có thể suy ra trạng thái kết quả của đối tượng.

Thứ hai: V₂ có thể tách ra, đứng làm thành phụ ngữ hoặc vế câu ghép biểu thị kết quả (ví dụ: *Nam đốt quyển sách, cháy tiêu rồi; Sóng đánh chiếc thuyền, vỡ nát*) mà ý nghĩa thay đổi không đáng kể.

Thứ ba: Các tác tử phủ định *không, chẳng, chưa* xuất hiện trước V₁ bao giờ cũng chỉ có thể tác động đến bổ ngữ thứ nhất (NP₂) chứ không đụng đến bổ ngữ thứ hai (V₂) - nếu [NP₂ - V₂] có quan hệ đề - thuyết thì cả ngữ đoạn phải chịu tác động, vì là bổ ngữ của V₁. So sánh:

- (32) a) *Nam không/chưa đốt quyển sách.*
b) ??*Nam không/chưa đốt quyển sách cháy tiêu.*

Nếu tác tử phủ định xuất hiện trước V₂ thì, về hình thức, cấu trúc gây khiến vẫn không đổi, nhưng ở NP₂ không xảy ra sự chuyển thái: *Nam đốt quyển sách không cháy*. Điều này tạo ra mâu thuẫn về ngữ nghĩa: *không cháy* là trạng thái vốn có của quyển sách chứ không phải là trạng thái mới do hành động *đốt* gây ra; cho nên chỉ có thể hiểu nó là kết quả của hành động chứ không phải là trạng thái mới của bị thể. Nghĩa là ở đây không có sự tình gây khiến. (Điều này khác với cấu trúc kết quả: ở cấu trúc kết quả thì không nhất thiết phải có sự chuyển đổi trạng thái như thế).

Nếu bổ ngữ V₂ liên quan đến sự tình chuyển vị thì có điểm cần chú ý. Xét:

- (33) a) *Nam ném hòn đá bay qua nhà hàng xóm.*
b) ??*Nam không ném hòn đá bay qua nhà hàng xóm.*
c) *Nam ném hòn đá xuống hồ.*
d) *Nam không ném hòn đá xuống hồ.*

Câu (b) khó chấp nhận, tương tự trường hợp đã nêu ở vd (32). Nhưng câu (d) thì hoàn toàn bình thường. Lí do: sau *hòn đá* không phải là một vị ngữ biểu thị hành động/quá trình di chuyển (như *bay...*) mà là một biểu thức biểu thị hướng. Như vậy, khác với câu (a), câu (b) không có cấu trúc của một sự tình gây khiến.

Thứ tư: V_2 phải có cấu tạo sao cho có thể làm bỏ ngữ cho V_1 chứ không phải có cấu tạo thích hợp với NP_2 . So sánh:

- (34) a) *Nó bẻ cây thước gãy đôi.* b) **Nó bẻ cây thước bị gãy đôi.*
 (35) a) *Nó bằm tỏi thật nhuyễn.* b) **Nó bằm tỏi trở nên nhuyễn.*
 (36) a) *Nó lau cái bàn dơ quá!* b) ??*Nó lau cái bàn dơ.*

Các câu (b) có cấu trúc vị ngữ thích hợp với NP_2 : *cây thước bị gãy đôi, tỏi trở nên nhuyễn, cái bàn dơ*; nhưng bất khả chấp nếu xét trên cấu trúc toàn câu.

Ở các phát ngôn trên, nếu V_2 rút gọn ở dạng tối giản (*gãy, nhuyễn, dơ*) thì nó có xu hướng bị “hút” vào NP_2 để trở thành định ngữ cho NP_2 này (*cây thước gãy, tỏi nhuyễn, cái bàn dơ*). Nghĩa là không có mối quan hệ ngữ pháp giữa NP_2 và V_2 .

Hiện tượng này thường bị bỏ qua nên ở nhiều bài viết các tác giả chỉ chú ý phân tích một vài phát ngôn như *Nó đập con chó chết, Nó lau bàn sạch, Nó xé áo rách* - là những phát ngôn khả chấp phi ngữ cảnh. Thực ra, trong giao tiếp hằng ngày, V_2 ở dạng tối giản như vậy sẽ tạo ra những phát ngôn thiếu tự nhiên. Chính vì vậy, V_2 thường phải được cụ thể hóa hoặc sắc thái hóa dưới một hình thức nào đó; thậm chí, có vẻ như chính nó đảm đương vai trò tình thái hóa cho câu. Chẳng hạn:

- (37) a) *Nó đập 2 cái bát sứ của bố vỡ nát.* b) ?*Nó đập 2 cái bát sứ của bố vỡ.*
 (38) a) *Nó lau tất cả bàn ghế sạch bong.* b) ?*Nó lau tất cả bàn ghế sạch.*

Thứ năm: V_2 có thể được đánh dấu mức độ (nhiều tác giả cho rằng đây cũng là một dạng kết quả), trong khi thuyết/vị ngữ của NP_2 thì không thể. Ví dụ:

- (39) a) *Nó đánh anh Nam đến chết.*
 b) *Nó sấy quần áo đến khô.*

Thứ sáu: Ngoài vị từ trạng thái (V_2), V_1 có thể có một phụ ngữ biểu thị phương tiện hoặc liên đới thể đứng sau NP_2 (ví dụ: *Nam đốt quyển sách cháy tiêu bằng một que diêm, Nam bẻ thanh sắt gãy đôi với sự giúp đỡ của Hà*). Những phụ ngữ này phụ thuộc về ngữ nghĩa và ngữ pháp với V_1 chứ không liên quan với NP_2 hoặc V_2 : *đốt bằng một que diêm* chứ không phải *cháy bằng một que diêm*, càng không thể *quyển sách cháy bằng một que diêm*.

Thứ bảy: Nếu sau NP_2 là một danh ngữ thì khó có thể xem là thuyết của NP_2 ; chẳng hạn: *Nam sơn căn phòng màu đỏ* - nếu có quan hệ thuyết tính thì *màu đỏ* chỉ có thể miêu tả căn phòng chứ không thể diễn đạt trạng thái thay đổi.

Xét về ngữ nghĩa, các phát ngôn (30), (31) có thể được xem là cấu trúc gây khiến trực tiếp hoặc gây khiến - tác động⁷ - hiểu theo nghĩa là tác thể NP_1 có thực hiện hành động tác động trực tiếp vào bị thể NP_2 (tiếp xúc vật lí - physical) và gây ra kết quả là trạng thái mới của bị thể.

Trong tiếng Việt, về cơ bản, vị từ chuyển tác (hai diễn tố: tác thể/lực và bị thể) không biểu thị nghĩa kết quả (trong tiếng Việt hầu như không có dạng gây khiến từ vựng kiểu như *kill* của tiếng Anh), nhưng trong giao tiếp thông thường, người nghe vẫn suy ra kết quả như là một kết cục tự nhiên, nếu không có yếu tố can thiệp: *Nó đốt quyển sách* → *quyển sách cháy, Nó lau bàn* → *bàn sạch*.

⁷ Gây khiến trực tiếp (direct causation) là khái niệm tùy thuộc chủ yếu vào khung lí thuyết của các tác giả. Tính “trực tiếp” có thể hiểu là sự phụ thuộc thời gian (kết quả diễn ra gần như đồng thời với tác động), vào việc không có thực thể “can thiệp”; cũng có tác giả cho tính trực tiếp chủ yếu chỉ thể hiện ở phương thức gây khiến từ vựng.

Trong tình huống muốn thông tin về trạng thái của đối tượng, tiếng Việt sẽ dùng cấu trúc “khiến cách” (ergative, và cũng không cần hiển ngôn kết quả): *Quyển sách đốt rồi* - sẽ hiểu là “cháy rồi”, *Bàn lau rồi* - sẽ hiểu là “sạch rồi”. Như vậy, có thể nhận định rằng trong sự tình chuyển tác, kết quả sẽ được hiển ngôn khi nó không “tự nhiên”, không như lẽ thường (*Nó đốt quyển sách không cháy, Nó đốt quyển sách không được, Nó lau bàn không sạch*); hoặc khi người nói có dụng ý cung cấp thông tin bổ sung (chẳng hạn, lời hăm dọa: *Tao đập mày chết!*); hoặc cùng một hành động, tùy trường hợp, có thể dẫn đến nhiều kết quả khác nhau, khó đoán định: chẳng hạn *đập* có thể dẫn đến *vỡ, chết, gãy, nát, sưng* hoặc *không vỡ, không chết, không gãy, không nát, không sưng*⁸.

Trong bối cảnh kết quả được hiển ngôn như vậy, ta sẽ có một cấu trúc kết quả. Có thể nhận định: cấu trúc gây khiến - tác động chính là dạng thức đặc trưng của cấu trúc kết quả để vừa biểu hiện hành động/quá trình vừa biểu hiện sự thay đổi ở bị thể do chính hành động/quá trình đó gây ra (x. mục 3).

2.2.2. Ở cấu trúc gây khiến - tác động, nếu đặt từ *làm* vào giữa hai pha thì tình hình phức tạp hơn. Xét:

(40) *Nó đập con chó làm con chó chết tươi.*

(41) *Sóng đập mạnh vào con thuyền làm con thuyền vỡ nát.*

Câu (40) diễn đạt tình huống gây khiến: hành động *đập con chó* và trạng thái kết quả *con chó chết tươi*. Nhưng ở đây rõ ràng hai “vì sự tình” được thể hiện riêng rẽ: tác động không được giả định là tự nhiên, tất yếu gây ra kết quả; vì *con chó chết* có thể chỉ là một trong những kết quả ngẫu nhiên của hành động *đập* - có thể *nó* chỉ muốn trừng phạt *con chó* vì tội gì đó chứ không chủ ý muốn *con chó chết* (khác với câu (30), ở (30) sẽ khó chèn từ *làm* mà không gây ngờ vực về ý nghĩa: ??*Nam đốt quyển sách làm quyển sách cháy*). Ở (41) cũng tương tự, từ *làm* làm cho quan hệ gây khiến giữa quá trình *đập con thuyền* và kết quả *con thuyền vỡ nát* xa nhau hơn, riêng rẽ hơn (so sánh với (31)). Như vậy, gây khiến ở (40), (41) cũng có “tác động trực tiếp”, nhưng tính tự nhiên (naturalness), tất yếu (inevitability) của kết quả ở mức độ thấp hơn so với (30) và (31). Hiện tượng này sẽ càng rõ hơn ở những câu sau đây:

(42) *Nó đá quả bóng làm cửa sổ vỡ.*

(43) *Nó bắn chim làm cửa sổ vỡ.*

Ở (42) xuất hiện một thực thể trung gian: có thể hiểu là *quả bóng* đập vào *cửa sổ* và *cửa sổ* vỡ chứ không phải là *nó* đá vào *cửa sổ* gây vỡ. Ở (43) thì có khác: không phải *chim* đập vào *cửa sổ* gây vỡ mà chính là một hòn sỏi nào đó mà *nó* bắn ra - điều ai cũng biết dù thực thể trung gian này không có mặt trong phát ngôn. Hai câu này giống hai câu (40) và (41) ở chỗ tất cả thực thể thay đổi trạng thái đều là kết quả của một sự tác động, chỉ khác biệt ở mức độ tự nhiên, tất yếu. Lại xét:

(44) *Nam đẩy cái ghế làm Lâm ngã.*

(45) *Nam cắt internet làm bé Hà đọc sách.*

Ở (44) ta có một sự tình quan hệ: *Nam* chuyển cái ghế khỏi vị trí vốn có của nó vì một lí do nào đó; ít phút sau, do không để ý, *Lâm* ngồi xuống và bị ngã. Ở (45) cũng vậy: để tiết kiệm, *Nam* cắt dịch vụ internet, và vì không có internet nên *bé Hà* đọc sách thay vì lướt web như trước. Chú ý là ở cả hai câu không hề có dấu hiệu nào cho thấy chủ thể *Nam* có chủ định khiến *Lâm* ngã hay *bé Hà* đọc sách.

⁸ Trong *Nó lau bàn rồi* và *Bàn lau rồi* đều có thể suy ra là “bàn đã sạch”. Thực chất, hai phát ngôn này chỉ thông báo hành động đã được thực hiện, còn trạng thái “sạch” chỉ là hàm ngôn, và người nói có thể “khử bỏ”.

Như ở mục 2.1 đã phân tích, với hai phát ngôn này, ta có cấu trúc gây khiến - quan hệ, biểu hiện một sự tình vốn không có liên quan đến sự tình khác nhưng gây ra nó. Ở dạng cấu trúc này, khó có thể hiểu chủ thể *Nam* tác động đến *Lâm* hoặc *bé Hà*, kể cả qua thực thể trung gian, càng không thể hiểu *Lâm*, *bé Hà* là đối tượng của hành động *đẩy*, *cắt*. Nếu có một sự tác động nào đó, hiểu theo nghĩa rộng nhất thì không phải giữa chủ thể và bị thể mà là giữa nguyên nhân và kết quả (so sánh với [3]).

Nếu hai phát ngôn trên được “chủ quan hóa” bằng những từ tình thái hoặc “trạng ngữ” biểu thị ý chí, mục đích của chủ thể thì có thể diễn giải rằng, bằng hành động của mình, chủ thể muốn tác động đến đối tượng (*Lâm*, *bé Hà*) thông qua việc tác động lên một thực thể trung gian (mặc dù *cái ghế*, *internet* hoàn toàn không *đập* vào đối tượng giống như *quả bóng* hay *hòn đá* như đã nói ở (42) và (43)).

(46) *Nam đẩy cái ghế cố ý làm Lâm ngã.*

(47) *Nam quyết định cắt internet làm bé Hà phải đọc sách.*

Hai phát ngôn này khác với (40) - (43) ở chỗ không có tác động trực tiếp của chủ thể hoặc của thực thể trung gian lên đối tượng. Mặt khác, ở đây tính “tự nhiên” của mối quan hệ giữa hành động và kết quả cũng thấp hơn so với những trường hợp trên; thậm chí kết quả có thể không xảy ra như dự đoán (vì nhiều lí do, chẳng hạn *Lâm* phát hiện được cái ghế không còn ở chỗ cũ, hoặc *Lâm* không ngồi xuống ghế).

Trên hình thức, nếu người nói bỏ qua “vi sự tình” nguyên nhân mà chỉ thông tin “vi sự tình” kết quả và cũng không có những yếu tố biểu thị ý chí (tức là chỉ còn *Nam làm Lâm ngã*, *Nam làm bé Hà đọc sách*) thì những câu (44) - (47) lại hoàn toàn giống như cấu trúc gây khiến - quan hệ đã trình bày ở mục 2.1. Vậy đây là thứ cấu trúc gây khiến mà tính trực tiếp của tác động, và cùng với tính tự nhiên của kết quả có thể xem là thấp nhất, rất gần với gây khiến - quan hệ.

Đến đây, có thể nhận định rằng “gây khiến” là một thể liên tục (continuum), một đầu là gây khiến - quan hệ (phi tác động, phi tự nhiên) diễn đạt bằng dạng cấu trúc mà *làm* là vị từ trung tâm, còn một đầu là gây khiến - tác động diễn đạt bằng dạng cấu trúc mà vị từ trung tâm là vị từ chuyển tác, đối tượng của nó chịu tác động và phải ở vào trạng thái mới.

2.2.3. Với *làm*, gây khiến - tác động khác gây khiến - quan hệ (ví dụ (6) - (8)) ở chỗ:

(i) Ở gây khiến - tác động, khi tác thể là người thì *làm* mang thuộc tính của vị từ hành động (chứ không phải vị từ quan hệ), câu hỏi kiểm tra *Nam làm gì Lâm?* và câu trả lời *Nam làm Lâm ngã* là hoàn toàn chuẩn tắc và tự nhiên, dù rằng phương thức tác động không hiển ngôn (nếu không có hành động chuyển tác diễn đạt bằng vị ngữ khác đi trước). Hơn nữa, sự tình quả có thể được hỏi chỉ bằng *vậy* hoặc những tổ hợp có từ chỉ định (*chuyện đó*, *việc ấy*). Ví dụ:

(48) *Nam (đẩy cái ghế) làm Lâm ngã.* Lẽ ra hẳn không nên làm vậy.

Trong khi đó, ở gây khiến - quan hệ, *làm* là vị từ quan hệ thì *Anh ta làm gì mọi người?* là câu hỏi có tính siêu ngôn ngữ, câu trả lời sẽ là *Anh ta không làm gì hết*; và cũng không có khả năng hỏi chỉ (so sánh với mục 2).

(ii) Liên quan với điểm (i), ở gây khiến - tác động, *làm* mang thuộc tính của vị từ hành động vì có thể tình thái hóa bằng những vị từ biểu thị ý định, ý chí của chủ thể như *sẽ*, *định*, *dự định*, *tính*, *cố ý*, *chủ ý*, *quyết*, *quyết định*, *muốn*,... trước V_1 hoặc trước *làm*⁹. Còn ở sự tình gây khiến - quan hệ không có biểu hiện này. Chẳng hạn: *Nam (đẩy cái ghế) cố ý làm Lâm ngã*, *Nam cố ý (đẩy cái ghế) làm Lâm ngã*.

⁹ Câu *Nam cố ý đẩy cái ghế làm Lâm ngã* có nghĩa biểu hiện không khác gì *Nam đẩy cái ghế cố ý làm Lâm ngã*, *Nam cố ý làm Lâm ngã*, *Nam làm Lâm ngã một cách cố ý*.

(iii) Ngoài ra, ở gây khiến - tác động có tiềm năng xuất hiện bổ ngữ *được/ không được* ở cuối câu, chẳng hạn: *Nam làm* [bé Hà đọc sách] *được/ không được* (= *Nam đã thành công/ thất bại trong việc khiến cho bé Hà đọc sách*); *được/không được* là bổ ngữ thành quả của *làm*. Trong khi đó, ở gây khiến - quan hệ, nếu xuất hiện *được/không được* ở cuối câu thì chúng chỉ có quan hệ với V_2 , và bổ ngữ này biểu thị khả năng của NP_2 : *Nam làm* [bé Hà đọc sách *được/không được*] (= *Nam là nguyên nhân khiến cho bé Hà đọc sách được/không được*).

Với vị từ *làm*, gây khiến - tác động giống gây khiến - quan hệ ở chỗ:

(i) Về ngữ nghĩa, ở gây khiến - tác động với *làm* là vị từ trung tâm thì không có tác nhân mà chỉ có nguyên nhân (cause): *Nam đẩy cái ghế* là nguyên nhân gây ra *Lâm ngã* chứ không phải *Nam* là tác thể tác động lên *Lâm* (ở gây khiến - quan hệ, *Anh ta bước vào phòng* là nguyên nhân “mọi người bỏ đi”: chính cái sự kiện xuất hiện trong phòng của anh ta, chứ không phải *anh ta* tác động gây ra kết quả).

Nói khái quát: Đề của cấu trúc gây khiến có *làm* là vai nghĩa nguyên nhân chứ không phải tác thể hoặc lực. Cấu trúc gây khiến chung của *làm* (quan hệ và tác động) là [nguyên nhân - *làm* - kết quả ($NP_2 - V_2$)], trong đó NP_2 và V_2 có quan hệ thuyết tính; còn cấu trúc gây khiến - tác động với vị từ chuyển tác làm trung tâm là [tác thể - V_1 - bị thể (NP_2) - kết quả (V_2)], trong đó NP_2 và V_2 là hai bổ ngữ của V_1 .

(ii) *Làm* không phải là hành động tác động vật lí trực tiếp lên đối tượng (*làm Lâm ngã* không phải là *đạp Lâm ngã*, vì ở trường hợp sau hành động (chuyển tác) *đạp* trực tiếp tác động vật chất lên *Lâm*); đây chính là tiêu chí về tính “tiếp xúc” (contactive [11]). *Nam đẩy cái ghế làm Lâm ngã* hay *Nam làm Lâm ngã* thì đều không cho thấy có sự tiếp xúc vật lí.

Ngay cả khi trên thực tế hành động của chủ thể tác động vật lí vào NP_2 thì vị từ *làm* vẫn không mã hóa tính “tiếp xúc” giữa chủ thể và bị thể NP_2 , do *làm* không biểu thị phương thức hành động. Chẳng hạn, trong cuộc sống hằng ngày, với phát ngôn *Nam làm cái máy tính chạy rồi* người nghe biết là máy tính đã hoạt động (trước đó nó không chạy), nhưng không thể đoán chắc rằng Nam đã tác động vật lí đến “cái máy tính” - vì ở trường hợp sau người nói sẽ dùng *sửa cái máy tính rồi* thay vì *làm...* (*sửa* thì phải đụng chạm vật lí, “chuyển tác” đến đối tượng; còn *làm* thì không chắc - tác nhân có thể không đụng chạm gì đến *cái máy tính* mà chỉ tác động đến ổ cắm điện hoặc dây nhợ) (so sánh với [1, 142]).

(iii) Cấu hình không gian - thời gian (spatio-temporal) của hai sự tình không nhất thiết đồng nhất, tức là sự tình nhân và sự tình quả có thể không diễn ra cùng thời gian, không gian: hành động *đẩy cái ghế* và trạng thái *ngã* thuộc hai khúc đoạn thời gian khác nhau dù có thể trước - sau liên tục (rất khác với *đạp cái lọ vỡ nát*: hành động *đạp* và trạng thái *vỡ* được tri giác gần như đồng thời). Với phát ngôn *Nó học giỏi làm bố mẹ vui lòng* thì càng khó lòng nói đến tính đồng nhất về thời gian - không gian (so sánh với ví dụ (8)).

(iv) Nếu chủ thể ở sự tình kết quả là người thì để thuyết hóa cho nó V_2 bao giờ cũng là vị từ trạng thái hoặc hành động mang tính bị “cưỡng bức” (coercive). Đây là một tiền giả định ngữ nghĩa (vì “X gây ra Y” thì có nghĩa là “~X thì ~Y”) ứng dụng cho cả gây khiến - quan hệ và gây khiến kết quả. Chẳng hạn, *Anh ta làm mọi người bỏ đi*, *Nam cắt internet làm bé Hà đọc sách* thì việc *bỏ đi*, *đọc sách* không được hiểu là ý muốn khởi từ của chủ thể (*mọi người*, *bé Hà*) mà nó chỉ xảy ra do sự có mặt hoặc hành động trước đó của *anh ta*, *Nam*.

(v) Ở gây khiến - tác động cần một hành động nào đó kích thích để gây ra sự thay đổi. Hành động kích thích ban đầu này có thể được hiểu ngôn ở thành phần vị ngữ đứng trước *làm*, như “đá (quả

bóng)” ở câu (42), nhưng cũng có thể ẩn đi hay tỉnh lược (*Nó làm cửa sổ vỡ*). Nghĩa là, cấu trúc ngữ nghĩa của *làm* sẽ là [(*Nó làm gì đó*) *làm* (cửa sổ vỡ)], nhưng nếu hành động kích thích được ẩn đi thì cấu trúc mặt của gây khiến - tác động hoàn toàn giống với gây khiến - quan hệ: [NP₁ - *làm* - O (NP₂ - V₂)]¹⁰.

Nói cách khác, cùng một cấu trúc cú pháp có thể được dùng để diễn đạt hai tình huống gây khiến khác nhau. Đây chính là lí do gây khó khăn khi diễn giải ngữ nghĩa của cấu trúc gây khiến của *làm*.

3. Làm trong cấu trúc kết quả

3.1. Xét các câu sau đây:

(49) *Tên trộm đập vỡ cửa kính.*

(50) *Nó đá bay quả bóng qua nhà hàng xóm.*

(51) *Sóng đánh chìm chiếc ghe.*

Các phát ngôn trên cũng có ý nghĩa gây khiến: người nghe cũng hiểu là sự tình trước là nguyên nhân gây ra sự tình sau: *tên trộm đập - cửa kính vỡ*, *nó đá - quả bóng bay*, *sóng đánh - chiếc ghe chìm*.

Tuy nhiên, những phát ngôn trên nên được gọi là cấu trúc kết quả (resultative) thay vì cấu trúc gây khiến, vì nhiều lí do.

(i) Cấu trúc kết quả chỉ mã hóa hành động/quá trình kèm theo kết quả như một thể trọn vẹn chứ không mã hóa hai “vi sự tình” như ở cấu trúc gây khiến, vì ở dạng cấu trúc này không có độ trễ về thời gian giữa hành động/quá trình và kết quả (so sánh với [4]).

Ở cấu trúc kết quả, thành phần kết quả có thể ở dạng phủ định; chẳng hạn: *đập vỡ, đập không vỡ, đánh chìm, đánh chưa chìm*. Trong khi đó, ở cấu trúc gây khiến cũng có thành phần kết quả, nhưng không bao giờ ở dạng phủ định, vì nó diễn đạt trạng thái mới của đối tượng (so sánh với mục 3.1) - đây là lí do giải thích tại sao nên tách gây khiến ra thành một dạng cấu trúc kết quả đặc trưng (hoặc một cấu trúc riêng biệt).

Nếu cấu trúc gây khiến có hình thức [NP₁ - V₁ - NP₂ - V₂], trong đó NP₂ là bổ ngữ - bị thể và V₂ là bổ ngữ - kết quả của V₁ thì cấu trúc kết quả có hình thức [NP₁ - V₁ - (V₂ - NP₂)], trong đó NP₂ không phải là bị thể của V₁ mà là động thể của V₂ (undergoer, động thể là thực thể trải qua quá trình không chủ ý), dù rằng trên thực tế, trong đa số trường hợp, NP₂ có chịu sự tác động hay tiếp xúc trực tiếp của hành động. Nói rõ hơn, cả [V₂ - NP₂] làm thành diễn tố kết quả của V₁, trong đó NP₂ là bổ ngữ của V₂¹¹. Chẳng hạn:

(52) (*Nó chơi bóng rổ với bạn*). *Nó ném lọt vào rổ 3 quả, rơi ra ngoài 2 quả.*

(53) *Sóng đánh lật chiếc thuyền chứ không chìm.*

(54) *Anh thợ khoan một hồi lâu mới thùng được lớp bê tông dày.*

(55) *Nó đá không bay quả bóng mà bay chiếc giày qua nhà hàng xóm.*

Ở (52), 3 quả, 2 quả liên quan trực tiếp đến *lọt (vào rổ)*, *rơi (ra ngoài)* chứ không chịu tác động của *ném* (dù trên thực tế là chúng phải được ném đi); câu hỏi kiểm tra là *lọt (vào rổ) mấy quả?*, *rơi*

¹⁰ Nói một cách đơn giản, *Nó làm cửa sổ vỡ* không đồng nhất với *Nó đá/đập/bắn cửa sổ vỡ*, dù rằng *Nó đá/đập/bắn cửa sổ vỡ* có thể suy ra *Nó làm vỡ cửa sổ*.

¹¹ Có một số nhà nghiên cứu đồng nhất bị thể (hoặc đối thể, patient) và động thể. Thực ra, bị thể là thực thể chịu tác động của hành động/quá trình chuyển tác, không nhất thiết phải chuyển thái hay chuyển vị, dù có thể suy ra. Còn động thể là chủ thể của một quá trình không chủ ý, không nhất thiết chịu tác động bởi hành động, quá trình chuyển tác. Ở cấu trúc kết quả, gán tư cách động thể cho NP₂ có lẽ thích hợp hơn, do mối quan hệ ngữ nghĩa và ngữ pháp giữa nó với V₂. Hơn nữa, trong một câu có thể có cả bị thể lẫn động thể: *Nó đụng tôi_{BT} gây chân_{BT}*, *Nó đụng gây chân tôi_{BT}*; rất khác với *?Nó đụng chân tôi_{BT} gây*. Đối với một ngôn ngữ không có dạng gây khiến từ vựng như tiếng Việt, sự phân biệt hai vai nghĩa này là cần thiết.

(ra ngoài) *mấy quả?* chứ không phải *ném mấy quả?*. Ở (53) và (54) cũng tương tự; câu hỏi kiểm tra là (*đánh*) *lật cái gì?*, (*khoan*) *thủng cái gì?*. Thậm chí, ở (56), hoàn toàn chắc chắn rằng *chiếc giày* không phải là đối tượng của *đá*: *bay cái gì?* - *bay chiếc giày* (và *đá cái gì?* - *đá quả bóng*).

Về mặt ngữ pháp, $[V_2 - NP_2]$ là bổ ngữ kết quả của V_1 , trong đó NP_2 lại là bổ ngữ của V_2 . Dĩ nhiên, vì vậy, không thể hoán vị V_2 và NP_2 như một số nhà nghiên cứu chủ trương (cf. [1]) nếu không muốn chuyển đổi cấu trúc và ngữ nghĩa của câu.

3.2. Khi *làm* xuất hiện trong cấu trúc kết quả có hai trường hợp:

- *Làm* thay thế cho vị từ V_1 . Xét:

(56) *Anh ta làm vỡ cửa kính.*

(57) *Nó làm bay quả bóng lên trời.*

(58) *Sóng làm chìm chiếc ghe.*

Ở các phát ngôn trên, thành phần kết quả vẫn là $[V_2 - NP_2]$ với NP_2 là động thể và giữ vai trò bổ ngữ của V_2 . Tuy nhiên, từ *làm* không diễn đạt sự tác động với một phương thức cụ thể nào cả, nó thay thế cho một vị từ chuyển tác bất kì và được ngữ pháp hóa để đánh dấu kết quả. Vì vậy, ở những trường hợp (49) - (51) có thể nói *đập sập vỡ*, *đá không bay*, *đánh không chìm* (nói chung: $[V_1 - V_2]$ hoặc $[V_1 - \text{không } V_2]$), nhưng ở (56) - (58) không thể nói *làm chưa vỡ*, *làm không bay*, *làm không chìm*. Dĩ nhiên, trong những ngữ cảnh nhất định, *làm* vẫn bộc lộ thuộc tính của một vị từ hành động; chẳng hạn: *Suyt! Đừng làm chạy cá!* hoặc *Đừng làm khô nước*.

Khi đã được ngữ pháp hóa thì *làm* không còn gắn với hành động/quá trình cụ thể nào nữa, nên khó có thể xác quyết NP_1 đứng trước *làm* là chủ thể thực hiện hành động/quá trình. Xét các chuỗi sau:

(59) a) *Nó bể gãy cành hồng.* → b) *Nó làm gãy cành hồng.*

(60) a) *Ông ta mổ chết người.* → b) *Ông ta làm chết người.*

Ở (59a), hành động là *bể*, người thực hiện hành động là *nó*; còn ở (59b) không cho biết “phương thức” lẫn kẻ trực tiếp gây *gãy cành hồng*. Thử tưởng tượng tình huống: *nó* chơi bóng và quả bóng rơi trúng cành hồng, người nói quy “trách nhiệm”¹² cho *nó* bằng cách nói *Nó làm gãy cành hồng* (chứ không thể nói câu (59a)). Ở (60), tình hình cũng tương tự.

- *Làm* đứng sau V_1 . Xét:

(61) a) *Ông ta mổ làm chết người.* b) *Ông ta đến chậm làm chết người.*

Với *làm*, ở (61a) *ông ta mổ* là một sự tình làm đề chứ không phải là thực thể (khác với (60a): ở (60a) Đề là thực thể *ông ta*); (61b) *ông ta đến chậm* cũng là một sự tình, nhưng khác với (61a), *ông ta* không có hành động nào liên quan đến nạn nhân, trừ “trách nhiệm” (có thể “ông ta” bị kẹt xe nên *đến chậm* và không kịp mổ cho bệnh nhân). Lại xét:

(62) a) ??*Nó bể làm gãy cành hồng.* b) ??*Nó bể cành hồng làm gãy cành hồng.*

(63) *Cây phượng gãy làm hỏng hai chiếc xe hơi.*

(64) a) *Hoa phượng nở đổ sân trường.* b) *Hoa phượng nở làm đổ sân trường.*

¹² Trong kiểu cấu trúc này, ý niệm về “trách nhiệm” có thể thỏa đáng hơn tính $[\pm \text{chủ định}]$ ở cấu trúc gây khiến; chẳng hạn: *Nó chạy nhảy làm mất/roi chìa khóa* → *Nó làm mất/roi chìa khóa*.

Câu (62) bất khả chấp vì *bẻ* là hành động trực tiếp gây ra *gãy* nên không thể có mặt *làm*; ngược lại, nếu có mặt *làm* thì *bẻ* cần có một bổ ngữ riêng cho nó. Câu (63) là cấu trúc kết quả, vì V_1 (*gãy*) là vị từ vô tác, vốn không liên quan đến *hai chiếc xe*, có thể chấp nhận *làm*, cả ngữ đoạn *cây phượng gãy làm đôi*.

Câu (64a) lưỡng nghĩa, vì nó có thể được hiểu hoặc là cấu trúc kết quả hoặc chỉ là một cấu trúc miêu tả “bình thường”: Trường hợp thứ nhất, (64a) có thể được hiểu là cấu trúc kết quả vì *hoa phượng nở* khiến *đỏ sân trường* (so sánh với [1]). Tuy nhiên, câu này rất khác với các câu (49) - (51): *hoa phượng nở* là một quá trình tự nó, không có liên quan gì đến *sân trường*. Trường hợp thứ hai, khi (64a) không được hiểu là cấu trúc kết quả thì có hai cách diễn giải về ngữ pháp: (i) Đề (*hoa phượng*) - Thuyết (*nở đỏ sân trường*), (ii) Đề (*hoa phượng nở*) - Thuyết (*đỏ sân trường*). Cả hai cách diễn giải này đều khả chấp, và khó xác quyết cách nào thỏa đáng hơn, nếu không căn cứ vào ngữ cảnh. Dù sao, xử lí (64a) như một câu miêu tả bình thường có lẽ thuyết phục hơn. Lí do: nó trả lời rất tự nhiên cho câu hỏi: *Hoa phượng thế nào?* hoặc *Hoa phượng nở thế nào?*, tự nhiên hơn là câu hỏi *Hoa phượng nở thì sao?*. Câu (64a) không khác gì mấy với những câu trả lời khác như *Hoa phượng nở đỏ rực*, *Hoa phượng nở đỏ từ đầu làng đến cuối làng*. Trong khi đó, câu (64b) với *làm* (*Hoa phượng nở làm đỏ sân trường*) chỉ có cách xử lí duy nhất: nó là cấu trúc kết quả - *làm* đánh dấu ý nghĩa kết quả của cấu trúc.

Tình hình cũng tương tự với những phát ngôn như *Mưa ngập đường - Mưa làm ngập đường*, *Bão đổ cây - Bão làm đổ cây*, *Uống nước tức bụng - Uống nước làm tức bụng*, v.v... (*Uống nước tức bụng* hiểu là “uống nước quá nhiều” - *uống* là vị từ chuyển tác, không có liên quan gì đến *bụng* - nhưng *Uống nước làm tức bụng* là cấu trúc kết quả. Điều này giải thích tại sao những câu như *Hắn uống rượu say mềm*, *Hắn uống rượu hết sạch* không thể xem là cấu trúc kết quả vì không thể nói *Hắn uống rượu làm say mềm*, *Hắn uống rượu làm hết sạch* (*rượu*) (so sánh với [3]).

Như vậy, khi V_1 là vị từ vô tác, hoặc V_1 chuyển tác nhưng không liên quan gì đến NP_2 , sự có mặt của *làm* là cần thiết để thể hiện cấu trúc kết quả.

Trong cấu trúc kết quả với *làm* có hai diễn tố: nguyên nhân và kết quả.

Ngoài sự tình (như ví dụ (61), (63)), nguyên nhân có thể là những thực thể vô tri hoặc những khái niệm trừu tượng được xem như thực thể:

- (65) *Cái bàn ủi này làm cháy cái áo của tôi.*
- (66) *Các thiết bị điện tử đã làm hỏng bọn trẻ.*
- (67) *Sự xa cách có thể làm thay đổi tình cảm.*

Tất cả các câu trên đều diễn đạt sự tình kết quả, trong đó (khác với câu (49) - (51)) thực thể làm Đề được quy trách nhiệm là nguyên nhân thay vì chủ thể là kẻ hành động thực sự. Việc chọn lựa nguyên nhân của một sự tình nào đó, nhiều khi tùy thuộc vào cách nhìn chủ quan của người nói, chẳng hạn:

- (68) *Cậu học sinh ấy làm đau đầu thầy giáo.*
- (69) *Câu hỏi của cậu học sinh ấy làm đau đầu thầy giáo.*
- (70) *Cậu học sinh hỏi câu đó làm đau đầu thầy giáo.*

Như đã nói ở mục 3.1, ở cấu trúc có *làm* cũng không thể nói đến hiện tượng hoán vị V_2 và NP_2 . Trên thực tế, có sự luân phiên: *làm bạn đau - làm đau bạn*, *làm lá rụng - làm rụng lá*, *làm tường nứt - làm nứt tường*,... Tuy nhiên, đây là hai kiểu cấu trúc khác nhau cùng thể hiện quan hệ nhân quả: kiểu trước là cấu trúc gây khiến [*làm* + O (NP_2 - V_2)], kiểu sau là cấu trúc kết quả [*làm* + O (V_2 - NP_2)].

Ở cấu trúc gây khiến, V_2 “tự do” hơn, theo nghĩa là có thể thuộc những tiểu loại vị từ khác nhau, miễn có thể làm thuyết cho NP_2 . Trong khi đó, ở cấu trúc kết quả, V_2 phải có khả năng nhận đối tượng làm động thể; đây là lí do mà ??*làm vui mẹ*, ??*làm lo bố*, ??*làm gãy bạn* không được chấp nhận (nhưng *làm đau bạn* thì khả chấp). Điều này càng rõ hơn khi NP_2 biểu thị một bộ phận của chính thể; so sánh:

làm mẹ vui - ??*làm vui mẹ* - *làm mẹ vui lòng* - *làm vui lòng mẹ*
làm tay nó đứt - ??*làm đứt nó* - *làm nó đứt tay* - *làm đứt tay nó*
làm ngực nó tức - ??*làm tức nó* - *làm nó tức ngực* - *làm tức ngực nó*

4. Kết luận

Từ những điều trình bày trên đây, có thể thấy *làm* là một vị từ đã được ngữ pháp hóa, được dùng để biểu thị cấu trúc gây khiến và cấu trúc kết quả. Nó không thể hiện dứt khoát tính chuyển tác [$\pm$ transitivity], tính trực tiếp tác động [$\pm$ directness], tính chủ định [$\pm$ intention] vì thế ý nghĩa kết quả của nó rất gần với ý nghĩa của cấu trúc quan hệ.

Có thể nói một cách vắn tắt: *làm* biểu hiện mối quan hệ giữa một thực thể hay sự tình với một sự tình được xem là do nó gây ra mà không nhất thiết có sự tác động trực tiếp hoặc chủ định hay không.

Từ góc nhìn về từ *làm*, có thể gọi ra nhiều vấn đề liên quan đến bản chất của các vị từ *khiến*, *để*, *gây*, *cho*; và cũng cho thấy nhiều vấn đề còn cần phải làm sáng tỏ hơn liên quan đến khái niệm “nhân quả” và những biểu hiện của thành phần gọi là “kết quả” trong cấu trúc ngữ nghĩa và ngữ pháp của câu tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

- Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, 2005.
- Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Nxb Giáo dục, 2004.
- Nguyễn Thị Quy, *Vị từ hành động tiếng Việt và các tham tố của nó*, Nxb Khoa học xã hội, 1995.
- Nguyễn Hoàng Trung, *Vài nét về kết cấu gây khiến trong tiếng Việt*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Số 63, 2014.
- Nguyễn Kim Thản, *Động từ trong tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, 1999.

Tiếng Anh

- Comrie B., *The syntax of causative constructions: Cross - language similarities and divergences*, In M. Shibatani (ed.), *Syntax and semantics 6*, Academic Press, New York, 1976.
- Comrie B., *Language universals and linguistic typology*, The University of Chicago Press, 1989.
- Dixon R.W., *A typology of causatives: Form, syntax and meaning*, In R.M.W. Dixon & Alexandra Y. Aikhenvald (eds.), *Changing valency: Case studies in transitivity*, Cambridge University Press, 2000.
- Kulikov L., *Causatives*, In Martin Haspelmath & Ekkehard Konig (ed.), *Language typology and language universals - an international handbook*, Volume 2, Walter de Gruyter, Berlin/New York, 2001.
- Shibatani, Masayoshi, *The grammar of causative constructions: A conspectus*, In M. Shibatani (ed.), *Syntax and semantics 6*, Academic Press, NY, 1976.
- Shibatani, Masayoshi, *The causative continuum*, In M. Shibatani (ed.), *The grammar of causation and interpersonal manipulation*, John Benjamins, Philadelphia, 2002.
- Talmy Leonard, *Semantic causative types*, In M. Shibatani (ed.), *Syntax and semantics 6*, Academic Press, NY, 1976.